TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-PT
Ngày 04 tháng 10 năm 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ; Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: **Ông Võ Văn Lập**

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Bà Huỳnh Phương Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLPT- DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ; Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh". Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐ-PT ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 7 đường V, phường N, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Ngọc Thanh P1, sinh năm 1990, có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 2 M, phường T, quận K, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 12-7-2017).

- Bà Nguyễn Thị Uyên T1, sinh năm 1992, vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 2 M, phường T, quận K, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 12-7-2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Quang V1 và Luật sư Lạc Thị Tú D - Công ty Luật A. Luật sư V1 vắng mặt tại phiên tòa; Luật sư D có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 3 M, phường T, quận K, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh L

Địa chỉ: Đường O phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Xuân H1 – Phó trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh L (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-SVHTTDL ngày 20-6-2017), có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C.

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà S, số 4 đường I, phường U, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh T2, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Số 8 đường Đ, phường G, quận R, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 15-8-2017), có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Để phục vụ cho chương trình khai mạc Lễ hội Nho và Vang Ninh Thuận năm 2016, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (Công ty C) ký kết với bà Lê Thị Thanh H hợp đồng dịch vụ số 16009-01/HĐDV-2016 ngày 15/9/2016. Do công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngay tại đợt thanh toán lần 1 của hợp đồng này nên căn cứ Điều 3 và Điều 6 của hợp đồng, bà H đã thông báo chấm dứt thực hiện nghĩa vụ cung ứng dịch vụ cho công ty C vào ngày 29/9/2016.

Sau đó, để cho chương trình khai mạc lễ hội Nho và Vang Ninh Thuận không bị gián đoạn, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch L (Sở) và bà H đã ký biên bản thỏa thuận ngày 29/9/2016, nội dung bà H sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cung ứng dịch vụ theo thỏa thuận với công ty C tại hợp đồng; đổi lại Sở sẽ hỗ trợ bà H trong việc yêu cầu công ty C thanh toán phí dịch vụ của hợp đồng. Trong trường hợp công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho bà H, Sở cam kết chịu trách nhiệm trả thay cho công ty C toàn bộ giá trị của hợp đồng là 811.500.000 đồng. Sau đó, Sở có quyền yêu cầu công ty C trả lại số tiền này cho Sở.

Trên cơ sở biên bản thỏa thuận bảo lãnh trên, bà H đã tiếp tục cung ứng và hoàn tất nghĩa vụ cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

Sau khi kết thúc chương trình, mặc dù phía bà H đã nhiều lần liên lạc và gửi thư yêu cầu bằng văn bản đến công ty C để yêu cầu thanh toán nhưng công ty C vẫn

không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho bà H. Đồng thời, phía bà H nhiều lần liên lạc và gửi thư yêu cầu bằng văn bản đến Sở yêu cầu Sở thanh toán theo biên bản thỏa thuận bảo lãnh nhưng Sở vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho bà H như đã cam kết tại biên bản này.

Vì vậy bà H khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết buộc Sở phải thanh toán cho bà H số tiền 914.749.479 đồng, trong đó số tiền phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là 811.500.000 đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 103.249.479 đồng.

Tại phiên tòa phía Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa giải quyết buộc Sở phải trả cho bà H số tiền 835.843.178 đồng, trong đó tiền gốc là 741.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 94.343.178 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của Sở đối với công ty C, bà H không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Bị đơn trình bày:

Ngày 26/8/2016, Sở và công ty C ký Hợp đồng dịch vụ số 18-HĐDV/VTD-2016/EVENT về việc tư vấn tổng thể chương trình Lễ hội Nho - Vang Ninh Thuận năm 2016. Thực hiện Hợp đồng dịch vụ này, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 18.1-HĐDV/VTD-2016/EVENT ngày 05/9/2016 và Phụ lục hợp đồng số 18.1.1-HĐDV/VTD-2016/EVENT ngày 22/9/2016.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Sở đã tuân thủ thỏa thuận của hai bên và thực hiện theo các điều khoản đã ký kết. Tuy nhiên, công ty C không tự mình thực hiện Hợp đồng dịch vụ mà thông qua một đơn vị thứ ba là công ty trách nhiệm hữu hạn K1 (Công ty K1) do bà Lê Thị Thanh H đại diện để thực hiện chương trình.

Trong buổi tổng duyệt chương trình đêm 28/9/2016, đại diện Sở đã không chấp thuận kết quả tổng duyệt do có một số thay đổi về nội dung so với kịch bản đã được phê duyệt trước đó. Sở có yêu cầu công ty C thực hiện lại buổi tổng duyệt vào hôm sau (ngày 29/9/2016), Công ty C đã không thực hiện yêu cầu này. Kể từ 12 giờ trưa ngày 29/9/2016, đại diện của công ty C hoàn toàn cắt đứt liên lạc với Sở. Sở nhiều lần gọi điện, nhắn tin, gửi email cho công ty C để yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ đã ký kết nhưng Sở không nhận được phản hồi hay hợp tác nào từ phía đại diện của công ty C.

Để thực hiện được chương trình Lễ hội như kế hoạch đã đề ra, Sở phải ký biên bản thỏa thuận ngày 29/9/2016 với bà H để bà H tiếp tục thực hiện chương trình.

Ngày 12/10/2016, Sở và công ty C thống nhất nghiệm thu danh mục chương trình khai mạc Lễ hội Nho và Vang Ninh Thuận 2016 và ký biên bản thanh lý hợp đồng. Các bên cùng nhất trí nội dung Sở sẽ thanh toán phần còn lại cho công ty C là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, còn công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Thanh H số tiền thực hiện dịch vụ theo hợp đồng số 16009-01/HĐDV-2016 ngày 15/9/2016 mà công ty C đã ký.

Công ty C yêu cầu Sở thanh toán khoản tiền còn lại là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng nhưng đồng thời không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bà

H. Sau đó công ty C đã khởi kiện Sở tại Tòa án nhân dân quận E, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình hòa giải tại Tòa án nhân dân quận E, hai bên đã thống nhất: công ty C rút đơn, Sở chuyển trả 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) theo thanh lý hợp đồng đã ký. Đồng thời công ty C cam kết việc tranh chấp giữa công ty K1, bà Lê Thị Thanh H với công ty C về hợp đồng số 16009-01/HĐDV-2016 ký ngày 15/9/2016 thì không liên quan đến Sở và công ty C chịu trách nhiệm giải quyết mọi vấn đề này.

Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của bà H, Sở không đồng ý trả, Sở chỉ sử dụng một dịch vụ thì không thể cùng lúc thanh toán hai lần.

Ngày 10/8/2017 Sở làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc công ty C phải trả 811.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/8/2017 là 74.387.500 đồng.

Tại phiên tòa phía Bị đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: đề nghị Tòa giải quyết buộc công ty C phải trả cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 835.843.178 đồng, trong đó tiền gốc là 741.500.000 đồng, tiền lãi là 94.343.178 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty TNHH C do ông Lê Minh T2, người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Để phục vụ chương trình Lễ hội Nho và Vang Ninh Thuận năm 2016, công ty C ký hợp đồng đồng tư vấn và các phụ lục hợp đồng dịch vụ với Sở đúng như Sở trình bày. Do lúc này công ty C đang bận tổ chức chương trình khác nên ngày 15/9/2016, công ty C mới ký hợp đồng dịch vụ số 16009/HĐDV-2016 với công ty K1 để công ty K1 thực hiện các công việc phục vụ lễ hội. Đây là hợp đồng tổng có giá trị: 2.077.130.000 đồng. Cùng ngày thì bà Lê Thị Thanh H - Giám đốc của công ty K1 có ký với công ty C hợp đồng dịch vụ số 16009-01/HĐDV- 2016 về nhân sự, có giá trị 823.888.889 đồng; hợp đồng này được chia nhỏ từ hợp đồng tổng. Đối với hợp đồng 16009/HĐDV- 2016 thì công ty C đã chuyển tiền cho công ty K1 2 đợt tổng cộng là 1,5 tỷ đồng. Còn hợp đồng 16009-01/HĐDV-2016 thì phải thanh toán đợt 1 trước 15 giờ ngày 28/9/2018. Do giữa bà Nguyễn Thị Tường V2- Giám đốc công ty C và bà Lê Thị Thanh H không thống nhất với nhau về cách thức thanh toán tiền mặt hay chuyển khoản nên bà H đã nhắn tin thông báo cho bà V2 hủy hợp đồng và sẽ trực tiếp làm việc và ký hợp đồng với Sở. Khoảng 14 giờ ngày 28/9/2016, bà V2 cầm tiền từ L1về để giao nhưng bà H không đồng ý nhận tiền mặt mà yêu cầu chuyển khoản (sự việc này hai bên có nhắn tin cho nhau), đến 16 giờ cùng ngày bà V2 về đến P thì bà H cho biết đã trực tiếp ký hợp đồng với Sở và thông báo hủy hợp đồng với bà V2.

Tại Điều 4 của hợp đồng 16009-01/HĐDV-2016 đã thỏa thuận hình thức thanh toán là chuyển khoản hoặc tiền mặt, do vậy công ty C không vi phạm hợp đồng. Mặc dù bà H nhắn tin hủy hợp đồng nhưng bà V2 vẫn cho nhân sự thực hiện chương trình.

Do bà H đơn phương hủy hợp đồng nên từ đó giữa hai công ty không bàn bạc gì nữa. Hiện nay giữa hai công ty chưa thanh lý hợp đồng. Phía bà V2 muốn thanh lý

hợp đồng với bà H trên cơ sở công ty C thanh lý hợp đồng với Sở theo biên bản nghiệm thu ngày 12/10/2016 nhưng bà H muốn thanh lý trên cơ sở hai hợp đồng 16009/HĐDV-2016 và 16009-01/HĐDV-2016 cùng ngày 15/9/2016, có tổng giá trị khoảng 2, 9 tỷ đồng.

Ngày 22/5/2017, công ty K1 đã kiện công ty C tại Tòa án nhân dân quận E thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu trả số tiền còn lại của hợp đồng 16009/HĐDV-2016 là 789.038.240 đồng (trong đó nợ gốc 685.907.778 đồng).

Đối với hợp đồng mà công ty C ký với Sở thì hai bên đã nghiệm thu và thanh lý hợp đồng có giá trị tổng cộng 2.650.000.000 đồng, hiện cả công ty C và Sở không còn quyền, nghĩa vụ gì với nhau.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của bị đơn, công ty C đều không đồng ý trả bất cứ khoản tiền nào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 72, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 302, 305, 361, 366, 518, 523, 524 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu độc lập của Bị đơn đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C phải trả cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 835.843.000 đồng (tám trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng), trong đó số tiền phải thanh toán theo hợp đồng là 741.500.000 đồng (bảy trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng), tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 24/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 94.343.000 đồng (chín mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 06/8/2018, Công ty TNHH Một thành viên C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/8/2018, bà Lê Thị Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên – Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; HĐXX xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự

- Hợp đông số 16009 và hợp đồng số 16009-01 là hai hợp đồng độc lập, không liên quan với nhau. Hợp đồng số 18 và các phụ lục hợp đồng số 18.1, 18.1.1 được ký

kết giữa Sở và Công ty C trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng, đúng pháp luật; Các bên đã thực hiện xong toàn bộ quyền và nghĩa vụ, thanh lý hợp đồng trong đó có phần nghĩa vụ của bà H đã thực hiện với Sở, đây là một phần nghĩa vụ công ty C vi phạm với Sở và Sở đã đồng ý cho bà H thực hiện theo hợp đồng số 16009-01 do bà H ký với C. Giữa Sở và cá nhân bà H không giao kết bất kỳ hợp đồng hay giao dịch dân sự nào nên tại Bản cam kết thanh lý hợp đồng cũng như cam kết tại Tòa án nhân dân Quận E, Công ty C cam kết sẽ chịu trách nhiệm với Công ty K1 cũng như cá nhân bà H nếu có tranh chấp. Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của bà H cũng như Công ty C; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Xét thời hạn kháng cáo, chủ thể thực hiện quyền kháng cáo, quan hệ pháp luật tranh chấp

Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên C (Công ty C); Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thanh H (bà H) đều trong thời hạn và do chủ thể có quyền kháng cáo thực hiện nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không rút, không thay đổi, không bổ sung yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị được tính lãi suất của số tiền 741.500.000đ dựa trên căn cứ ngày hợp đồng 19/5/2016, ngày hết hạn thanh toán 24/02/2017 đến ngày 04/10/2018 là 587 ngày nhân lãi suất 9% năm nên số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu 107.324.507đ. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp *"Hợp đồng dịch vụ, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh"*.

Bà Lê Thị Thanh H ủy quyền cho bà Nguyễn Ngọc Thanh P1 hoặc bà Nguyễn Thị Uyên T1 tham gia tố tụng; Bà T1 vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án chấp nhận cam kết của bà P1 tham gia tố tụng, sự vắng mặt của bà T1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H gồm Luật sư Lê Quang V1 và Luật sư Lạc Thị Tú D; Ông V1 vắng mặt tại phiên tòa lần hai được triệu tập hợp lệ; Tòa án chấp nhận ý kiến của bà D không khiếu nại sự vắng mặt của ông V1, chấp nhận bà D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

[2]Xét kháng cáo của công ty C và bà Lê Thị Thanh H

[2.1] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thanh H (bà H) tranh luận yêu cầu sửa bản án theo hướng buộc Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh L(Sở) phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi, vì:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi xác định yêu cầu của Sở là yêu cầu phản tố nhưng Thông báo thụ lý xác định là yêu cầu độc lập;

- Bà H yêu cầu Sở phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng bản án lại buộc Công ty C trả tiền cho bà H là trái với phạm vi yêu cầu khởi kiện.

[2.2]Người đại diện theo ủy quyền của công ty C tranh luận yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác đơn yêu cầu độc lập của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh L vì:

- Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Luật Thương mại để giải quyết vụ án; Điều 7 của Hợp đồng được ký kết giữa công ty C với bà H quy định tranh chấp sẽ được giải quyết tại tòa án Kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết vụ án là sai thẩm quyền; Thông báo thụ lý của Tòa sơ thẩm xác định bị đơn có yêu cầu phản tố nhưng tại phiên tòa sơ thẩm xác định bị đơn có đơn khởi kiện ngày 10/8/2017 là mâu thuẫn;

- Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hợp đồng số 16009/HĐDV-2016 và hợp đồng số 16009-1/HĐDV-2016 hoàn toàn độc lập và tách biệt nhau là không đúng; Phụ lục hợp đồng số 18.1.1-HĐDV/VTD-2016/Event ngày 22/9/2016 không liên quan đến hai hợp đồng đã ký với K1 và bà Lê Thị Thanh H; Ngày 28/9/2016, bà H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty C nên không thể lập luận cho rằng bà H đã hoàn tất nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với C; Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Sở và bà H ký thỏa thuận bảo lãnh thuộc tình thế cấp thiết là không có căn cứ; Việc bảo lãnh cho hợp đồng 16009-1/HĐDV-2016 đã hết giá trị vào thời điểm Sở và bà H ký kết nên văn bản bảo lãnh ngày ngày 29/9/2016 hoàn toàn không có giá trị; Biên bản làm việc ngày 29/9/2016 được Tòa án cấp sơ thẩm viện dẫn để cho rằng nhân sự đêm diễn do bà H cung cấp là không đúng đồng thời viện dẫn cam kết của Công ty C với Sở để yêu cầu C trả tiền cho bà H theo hợp đồng số 16009-1/HĐDV-2016 là chưa toàn diện vì hợp đồng này không liên quan, không ràng buộc trách nhiệm gì với Sở cũng như văn bản thỏa thuận ngày 29/9/2016 không rằng buộc trách nhiệm với C.

[2.3]Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà H, vì:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận bà H không xác lập bất kỳ giao dịch dân sự nào với Sở để thực hiện Chương trình khai mạc trình Lễ hội Vang – Nho Ninh Thuận 2016. Căn cứ các hợp đồng cũng như phụ lục hợp đồng được xác lập giữa Công ty C với Sở để phục vụ chương trình khai mạc Lễ hội Vang – Nho Ninh Thuận 2016, công ty C ký hợp đồng số 16009-1/HĐDV-2016 (Hợp đồng số 16009-1) ngày 15/9/2016 khi chưa được sự đồng ý của Sở, được chứng minh:

+ Ngày 12/9/2016 (Thời điểm nghiệm thu, thanh toán đợt 1 phụ lục hợp đồng số 18.1 ngày 05/9/2016 giữa Sở và Công ty C) giá trị 1.721.676.000đ, Công ty C đã tạm ứng 500.000.000đ nên Công ty C đề nghị Sở thanh toán 1.221.676.000đ đính kèm bảng số lượng, khối lượng, hạng mục đã thực hiện theo hợp đồng. So với giá trị hợp đồng số 18 là 2.202.408.000đ thì hai bên đã thực hiện được 78,17% giá trị của hợp đồng.

+ Ngày 15/9/2016, bà H ký hợp đồng số 16009-1 với Công ty C cùng mục đích phục vụ Lễ hội Vang – Nho Ninh Thuận năm 2016. Đến thời điểm ngày 22/9/2016, Sở và Công ty C ký phụ lục hợp đồng số 18.1.1-HĐDV/VTD-2016/Event (phụ lục 18.1.1), công ty C cũng không có đề xuất hoặc thông báo cho Sở biết về Hợp đồng số 16009-1.

- Sau khi phụ lục hợp đồng số 18.1.1 được ký kết, Công ty C không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận, vi phạm cam kết có chủ đích nhằm đưa bà H tham gia thực hiện thay phần nhiệm vụ theo hợp đồng 16009-1. Vào những phút cuối của đêm khai mạc Lễ hội Vang – Nho Ninh Thuận 2016, Sở không có lựa chọn nào khác phải chấp nhận cho bà H thực hiện phần nhiệm vụ theo hợp đồng số 16009-1 do bà H ký kết với C được chứng minh tại Nội dung thỏa thuận ngày 29/9/2016 giữa bà H với Sở, theo đó bên B (bà H) tiếp tục thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận của Hợp đồng dịch vụ số 16009-01 giữa bên B và bên thứ ba (C) về việc tổ chức thực hiện các dịch vụ phục vụ chương trình khai mạc Lễ hội Vang - Nho Ninh Thuận 2016 đúng theo kịch bản kế hoạch của bên A (Sở). Bên A hỗ trợ bên B trong việc yêu cầu bên thứ ba thanh toán phí dịch vụ theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết. Trường hợp bên thứ ba không thực hiện nghĩa vụ trên thì bên A sẽ chịu trách nhiệm trả thay cho bên thứ ba số tiền chi phí thuê nhân sự tổ chức sự kiện trên cho bên B trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Sau đó, bên A có quyền yêu cầu bên thứ ba trả lại cho bên A số tiền đã trả thay nêu trên. Như vậy, bà H thực hiện một phần nhiệm vụ thay cho công ty C vào đêm khai mạc với Sở. Sở ký kết hợp đồng với C nên về nguyên tắc tài chính chỉ có thể thanh quyết toán hợp pháp với C.

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty C tại phiên tòa cho rằng phần công việc huy động diễn viên, nhân sự cho đêm khai mạc Lễ hội Vang - Nho Ninh Thuận 2016 là do C thực hiện và đã được Sở thanh quyết toán toàn bộ các hạng mục, công việc theo hợp đồng số 18, phụ lục hợp đồng số 18.1 và phụ lục số 18.1.1 nhưng viện dẫn này không có căn cứ; Chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã chứng minh bà Hồng thực hiện phần nhiệm vụ này. Như vậy Sở chấp nhận cho bà H thực hiện một phần nhiệm vụ thay cho C theo hợp đồng 16009-1 vào ngày 29/9/2016 và Sở đã thanh toán phí dịch vụ của phần công việc bà H thực hiện cho C được chứng minh:

+Biên bản ngày 12/10/2016, Sở và Công ty C đã thống nhất nội dung: *"Công ty C cung cấp chứng từ, hóa đơn liên quan vào ngày 18/10/2016, sau 03 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn Sở sẽ thanh toán số tiền 150.000.000đ cho công ty C. Biên bản thanh lý hợp đồng là cơ sở cuối cùng để thanh toán, xử lý công việc của hai bên. Việc xử lý mối quan hệ hợp đồng kinh tế, dân sự với đơn vị khác, công ty C chịu trách nhiệm (Công ty K1 và bà H phối hợp xử lý giải quyết vướng mắc giữa các bên)"*, kèm biên bản nghiệm thu và kết nợ, biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/10/2016;

+ Sau thời điểm tháng 10/2016, Công ty C đã khởi kiện Sở tại Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Tòa án Quận E, Sở đã trả cho công ty C 150.000.000đ, Công ty C cam kết hợp đồng được ký kết giữa Sở và Công ty C chấm

dứt (Biên bản ngày 18/5/2017); Tranh chấp nếu có xảy ra giữa Công ty C và K1 về hợp đồng 16009-01/HĐDV -2016 ngày 15/9/2016 thì không liên quan đến Sở, Công ty C có trách nhiệm giải quyết mọi vấn đề tranh chấp liên quan đến hợp đồng 16009-01/HĐDV -2016 ngày 15/9/2016;

+ Bản tường trình ngày 29/9/2016, bà H vẫn xác định Công ty C phải thực hiện nghĩa vụ nên yêu cầu Công ty C trả tiền;

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty C có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền theo hợp đồng 741.500.000đ và tiền lãi từ ngày 24/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 94.343.000đ là có căn cứ vì Sở đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với C cũng như bà H nên Sở không còn bất kỳ nghĩa vụ nào với Công ty C cũng như bà Lê Thị Thanh H kể cả nghĩa vụ bảo lãnh theo nội dung thỏa thuận ngày 29/9/2016 mà bà H khởi kiện.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu được tính tiền lãi của số tiền 741.500.000đ từ ngày 24/02/2017 đến ngày 04/10/2018 với lãi suất 9% năm không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận vì nội dung kháng cáo của bà H chỉ yêu cầu Tòa án tuyên buộc Sở trả số tiền gốc và lãi là 835.843.000đ thay vì buộc Công ty C phải trả.

[2.4]Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của Công ty C, vì:

- Hợp đồng dịch vụ số 18-HĐDV/VTD-2016/Event ngày 26/8/2016 (Hợp đồng số 18), phụ lục hợp đồng số 18.1-HĐDV/VTD-2016/Event ngày 05/9/2016 (phụ lục 18.1), phụ lục hợp đồng số 18.1.1- HĐDV/VTD-2016/Event ngày 22/9/2016 (phụ lục 18.1.1), được ký kết giữa Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh L (Sở) với Công ty TNHH Một Thành viên C (Công ty C) chỉ có công ty C có mục đích lợi nhuận nên không thuộc tranh chấp kinh doanh thương mại theo Điều 30 khoản 1 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án dân sự theo quy định tại Điều 26 khoản 3 của Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 khoản 1 điểm a của BLTTDS; Thụ lý yêu cầu độc lập của bị đơn là đúng vì việc giải quyết các mối quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ án có liên quan với nhau; Tòa án cấp sơ thẩm thông báo thụ lý đơn phản tố của Sở là chưa chính xác nhưng trong bản án xác định Sở có yêu cầu độc lập là đúng theo quy định tại Điều 72 khoản 5 của BLTTDS, những sai sót này không vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, Công ty C không yêu cầu hủy án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm.

- Hợp đồng số 18, các phụ lục hợp đồng 18.1 và 18.1.1 được ký kết giữa Sở và Công ty C trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng, phù hợp quy định tại Điều 518 của Bộ Luật dân sự năm 2005 nên phát sinh hiệu lực.

- Ngày 22/9/2016 Sở và Công ty C ký phụ lục hợp đồng số 18.1.1 giá trị 547.520.000đ kèm bản kê các khoản phát sinh mà Công ty C phải thực hiện, nhưng công ty C đã vi phạm các hạng mục phải thực hiện theo cam kết, công ty C đã xác nhận tại biên bản ngày 26/9/2016.

- Ngày 15/9/2016, Công ty C và bà H ký hợp đồng số 16009-1/HĐDV-2016 (Hợp đồng số 16009-1). Như vậy, Công ty C ký hợp đồng với bà H sau khi Công ty C ký nghiệm thu đợt 1 với Sở và việc ký hợp đồng 16009-1 Sở không biết và cũng không đồng ý được chứng minh tại Biên bản làm việc ngày 29/9/2016; Cũng chính nội dung biên bản này Công ty C cũng thừa nhận Sở thống nhất khối lượng phát sinh theo phụ lục 18.1.1 giữa Sở và C trên cơ sở đề nghị của C, việc xác lập tổng khối lượng phát sinh phải có sự tham gia của Công ty K1; Công ty C sẽ nhắc phía K1về ý kiến của Sở còn việc K1có thực hiện hay không thì C không chịu trách nhiệm đồng nghĩa với việc công ty C ký hợp đồng với bà H thì giữa bà H và C đều hướng đến lợi nhuận tại Lễ hội Vang – Nho Ninh Thuận 2016, được chứng minh: Công ty C không có khả năng thực hiện những hạng mục phát sinh nghĩa là đã vi phạm hợp đồng với Sở do đó yêu cầu Sở phải cho Công ty K1 (phía bà H tham gia), đồng thời vào những phút cuối của đêm khai mạc Lễ hội Vang – Nho Ninh Thuận năm 2016, Công ty C đã cắt đứt liên lạc với Sở dẫn đến trong tình thế cấp thiết này, Sở buộc phải ký cam kết đồng ý để bà H thực hiện nội dung đã thỏa thuận của hợp đồng số 16009-01/HĐDV-2016 ngày 15/9/2016.

- Sở đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Công ty C, hai bên đã thanh, quyết toán; C cam kết sẽ chịu trách nhiệm với K1 và bà H liên quan đến hợp đồng 16009-1 tại Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi C nhận đủ số tiền 150.000.000đ của Sở. Nội dung cam kết này cũng chứng minh cụ thể, rõ ràng rằng bà H đã thực hiện một phần nhiệm vụ với Sở theo hợp đồng dịch vụ C ký kết với bà H (bên thứ ba) và Sở đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ. Về nguyên tắc không thể buộc bên có nghĩa vụ (Sở) phải thực hiện nghĩa vụ lần thứ hai khi toàn bộ nghĩa vụ đã được Sở thực hiện với các bên có quyền; Sở (bên bảo lãnh) đã thực hiện xong nghĩa vụ nên không phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều 371 khoản 3 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Người đại diện theo ủy quyền của công ty C trình bày hợp đồng 16009/HĐDV- 2016 ngày 15/9/2016 là hợp đồng tổng còn hợp đồng 16009-01/HĐDV- 2016 là hợp đồng con, lời khai này mâu thuẫn với chính lời khai của bà Nguyễn Thị Tường V2 - Giám đốc công ty. Mặt khác, phía công ty C không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. HĐXX xét thấy thời gian thanh toán của 2 hợp đồng này khác nhau, được chứng minh:

+ Hợp đồng số 16009/HĐDV- 2016 (Hợp đồng 16009) thanh toán đợt 1 ngày 15/9/2016 và đợt 2 vào ngày 22/9/2016, số còn lại thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình.

+ Hợp đồng số 16009-01/HĐDV- 2016 (Hợp đồng 16009-1) thì thời gian thanh toán đợt 1 trước 15 giờ ngày 28/9/2016, số còn lại sau khi kết thúc chương trình 15 ngày.

+ Hợp đồng số 16009 và 16009-1 khác nhau về chủ thể ký kết hợp đồng, nội dung công việc, giá dịch vụ ....

Vì vậy, đủ căn cứ pháp luật xác định hợp đồng số 16009/HĐDV-2016 và hợp đồng số 16009-01/HĐDV- 2016 là 02 hợp đồng độc lập và tách biệt nhau nên vụ án do Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý, giải quyết không liên quan đến vụ án do Công ty K1 khởi kiện Công ty C tại Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.5]Từ những phân tích, lập luận nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên; Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên C; Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Thanh H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3]Về án phí: Bà Lê Thị Thanh H, Công ty TNHH Một Thành viên C phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26 khoản 3, Điều 39 khoản 1 điểm a; Điều 147 khoản 1, Điều 148 khoản 1, Điều 308 khoản 1 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 302, 305, 361, 366 khoản 2, Điều 371 khoản 3, Điều 518, 523, 524 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 khoản 2 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Không chấp toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thanh H.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H đối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch L. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch L đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C.

4. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 835.843.000 đồng *(Tám trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng)*, trong đó số tiền phải trả theo hợp đồng là 741.500.000 đồng *(Bảy trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng),* tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 24/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 94.343.000 đồng *(Chín mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 khoản 2 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C phải chịu 37.075.000 đồng *(Ba mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà H số tiền 18.368.000 đồng *(Mười tám triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012912 ngày 05/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P (Nguyễn Ngọc Thanh P1 nộp thay).

- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh L số tiền 19.288.000 đồng *(Mười chín triệu hai trăm tám mươi tám ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014144 ngày 16/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P (Phạm Thị Xuân H1 nộp thay).

5.2. Án phí phúc thẩm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017352 ngày 06/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017383 ngày 10/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P (Nguyễn Ngọc Thanh P1 nộp thay). Bà Lê Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (04/10/2018).

Nơi nhận:
- Đương sự ;
- TAND Tp P(1);
- Chi cục THADS Tp P(1);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Phòng KTNV-THA (1);
- Lưu(HS-AV, Tổ HCTP) (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hàng Lâm Viên